

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị N, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Lương Văn D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Lê N, chức vụ giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quỳnh H, chức vụ Phó Giám đốc;

Địa chỉ: Thôn Làng C, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhánh huyện L, tỉnh Tuyên Quang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H, chức vụ giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phí Ngọc C, chức vụ cán bộ;

Địa chỉ: Thôn N1, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Ma Thị N và anh Lương Văn D.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cháu Lương Kim D, sinh ngày 03/2/2016 cho chị Ma Thị N trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu D đang ở cùng chị N). Anh Lương Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Chị Ma Thị N và anh Lương Văn D tự thỏa thuận, tự chia, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Chị Ma Thị N, anh Lương Văn D, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách huyện L, Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L cùng thỏa thuận, thống nhất:

Chị Ma Thị N có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam -chi nhánh huyện L khi đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng số 8107208017344 ngày 25/9/2019;

Anh Lương Văn D có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện L khi đến hạn trả nợ theo mã khách hàng số 7090199500 ngày 16/11/2018.

Về án phí: Chị Ma Thị N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0000061 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Hoàn trả cho chị Ma Thị N số tiền chênh lệch còn lại là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Lương Văn D, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách huyện L, Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện L không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang,
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã L (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lý Đức Quỳnh

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 27/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Bình, ngày 20 tháng 8 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 25/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: chị Chúc Thị Hương, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Hoàng Thừa Hường, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 28, 212, 213, Điều 143, 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 8 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: chị Chúc Thị Hương, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh Hoàng Thừa Hường, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn Nặm Chá, xã L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: chị Chúc Thị Hương và anh Hoàng Thừa Hường thoả thuận thống nhất giao cháu Hoàng Thiên Lộc, sinh ngày 13/11/2013 cho anh Hoàng

Thừa Hường trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Lộc đang ở cùng anh Hường; giao cháu Hoàng Ngọc Vân, sinh ngày 10/01/2015 cho chị Chúc Thị Hương trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu Vân đang ở cùng anh Hường. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh Hường, chị Hương được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: chị Chúc Thị Hương và anh Hoàng Thừa Hường xác định tài sản chung, nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Chúc Thị Hương nhận chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Chúc Thị Hương đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0006166 ngày 17/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, hoàn trả cho chị Chúc Thị Hương số tiền chênh lệch còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang,
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã L (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phúc An Hoàn

